

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **148/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/07/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quyền Lương – CB hưu trí.

Ông Trần Văn ChÁ – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 604/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/06/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á, sinh năm 1987

Địa chỉ: B384/6, Đoàn Văn Bơ, phường 16, quận 4, thành phố H

- Bị đơn: Ông Trần Phước L, sinh năm 1984

Địa chỉ: 29/22, Quang Trung, KP1, phường Hòa Bình, thành phố B, tỉnh Đ

(Tại phiên tòa, các đương sự có mặt đầy đủ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Á và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Bình, thành phố B vào năm 2009. Quá trình chung sống ngay từ ban đầu cả hai đã luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L là người không có chính kiến, luôn phụ thuộc vào bố mẹ chồng. Nhà ông L có rất nhiều anh, em nhưng ông L luôn viện cớ phải chăm sóc bố mẹ già để không về sống cùng với bà và các con, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình, cùng

nuôi dạy con cái. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn này thì ngoài ra còn có mối quan hệ không tốt giữa nàng dâu và mẹ chồng; giữa chàng rể và mẹ vợ diễn ra nhiều năm nay khiến cho cuộc sống của bà rất bức bách và đau khổ. Đỉnh điểm là có lúc ông L còn có hành vi bạo lực gia đình với bà, thường xuyên nói xấu bà với các con, ảnh hưởng lớn đến tâm sinh lý của các con. Bà và ông L đã không sống cùng với nhau 10 năm nay. Ngày hôm nay, sau nhiều năm tồn tại cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng của mình với ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Khi chung sống cả hai vợ chồng có 02 người con chung là các cháu: Trần Mỹ Anh, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Trần Kim Long, sinh ngày 22/5/2013. Ly hôn bà xin được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông L Phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn ông Trần Phước L trình bày tại các bản tự khai và tại phiên toà như sau;*

Tôi và bà Nguyễn Thụy Ngọc Á quen nhau và kết hôn đúng như bà Á khai, việc chúng tôi kết hôn nhưng không sống cùng nhau là đúng vì tôi còn có cha, mẹ già lớn tuổi cần người chăm sóc, nên phải đi đi về về giữa Biên Hòa và Sài Gòn. Nay bà Á có đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn, vì tôi còn thương vợ, thương con. Ông thừa nhận có lần đã đá bà Á. Nếu bà Á cho ông cơ hội, ông sẽ từ bỏ việc ở Biên Hoà để về Sài Gòn sống cùng với bà và các con.

Về con chung: Khi chung sống cả hai vợ chồng có 02 người con chung là các cháu: Trần Mỹ Anh, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Trần Kim Long, sinh ngày 22/5/2013. Nếu bà Á vẫn nhất quyết ly hôn thì tôi sẽ giao con cho bà Á nuôi và cấp dưỡng nuôi hai con với số tiền 3.500.000đ/1 tháng/ 2 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh D phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Ngọc Á.

Về con chung: Chấp nhận giao các cháu Trần Mỹ Anh, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Trần Kim Long, sinh ngày 22/5/2013 cho bà Nguyễn Thụy Ngọc Á trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Trần Phước L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được phép ngăn cản quyền này. Ghi nhận

sự tự nguyện của ông Trần Phước L đồng ý trợ cấp nuôi 02 con là 3.500.000đ/tháng/2 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Trần Phước L phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Phước L, sinh năm 1984; có địa chỉ cư trú tại số nhà 29/22, Quang Trung, KP1, phường Hòa Bình, thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ

[1.2]. Về tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Trần Phước L; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thụy Ngọc Á là nguyên đơn còn ông Trần Phước L là bị đơn trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á và ông Trần Phước L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà nên áp dụng các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà Á xác định kể từ khi kết hôn, vợ chồng đã chung sống không hạnh phúc. ông L là người không có chính kiến, luôn phụ thuộc vào bố mẹ chồng. Nhà ông L có rất nhiều anh, em nhưng ông L luôn viện cớ phải chăm sóc bố mẹ già để không về sống cùng với bà và các con, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình, cùng bà nuôi dạy con cái. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn này thì còn có rạn nứt trong mối quan hệ không tốt giữa nàng dâu và mẹ chồng; giữa chàng rể và mẹ vợ diễn ra nhiều năm nay khiến cho cuộc sống của bà rất bức bách và đau khổ. Đỉnh điểm là có lúc ông L còn có hành vi bạo lực gia đình với bà, thường xuyên nói xấu bà với các con, ảnh hưởng lớn đến tâm sinh lý của các con. Bà và ông L đã không sống cùng với nhau 10 năm nay. Ngày hôm nay, sau nhiều năm tồn tại cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng của mình với ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông L. Xét yêu cầu ly hôn của bà Á là có cơ sở chấp nhận **vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong quá trình chung sống; vợ chồng bà Á và ông L chung sống với nhau không hạnh phúc, không cùng sống một nơi trong một thời gian dài, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng, ông L thừa nhận có lúc đã có hành vi bạo lực**

với bà Á; chồng ở một nơi, vợ ở một nơi đã nhiều năm nay. Tại phiên toà ngày hôm nay, bản thân ông L có cam kết nếu bà Á rút đơn khởi kiện, ông sẽ về làm đơn thôi việc để cả hai vợ chồng cùng sống một chỗ. Tuy nhiên, lời hứa này của ông L không được bà Á chấp nhận, bởi lẽ theo bà Á, ông L đã từng hứa hẹn với bà về việc này rất nhiều lần, nhưng chưa lần nào thực hiện được, sống rất ích kỷ, chỉ biết có bản thân mình nên luôn phó mặc cho bà tất cả mọi việc. Bà một mình phải tự mưu sinh tại Sài Gòn, vừa phải nuôi dạy các con. Các con bà mang tiếng có cha, nhưng thật ra cũng giống không có cha. Tiền bạc ông L làm ra, chỉ đưa cho bà khi bà yêu cầu, Nhiều lần bà Á đã cho ông L cơ hội để sửa chữa, nhưng không có khả năng hàn gắn hạnh phúc. Ngoài ra, Toà án đã nhiều lần hoà giải, tuy nhiên bà Á vẫn nhất quyết xin ly hôn. Điều này, cho thấy mâu thuẫn giữa bà Á và ông L đã đến mức nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Có quay về thì cả hai sống cũng không thể hạnh phúc. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thụy Ngọc Á được ly hôn với ông Trần Phước L.

[3]. Về con chung: Giữa bà Á và ông L có 02 người con chung là các cháu: Trần Mỹ Anh, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Trần Kim Long, sinh ngày 22/5/2013. Sau khi ly hôn, và Á yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung vì từ trước nay các con đều do bà trực tiếp làm lụng, dành dụm để nuôi các cháu ăn học, ông L chỉ phụ giúp cho bà được một ít khi bà có yêu cầu, số tiền đó không đủ để bà trang trải. Ngoài ra, tại bản tự khai cháu Trần Kim Long và cháu Trần Mỹ Anh đều có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ là bà Á. Vì thế, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần của các cháu Anh và Long, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Á, giao các cháu Trần Mỹ Anh và cháu Trần Kim Long cho bà Á tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc này ông L cũng thống nhất. Tuy nhiên, sau ly hôn, bà Á và ông L vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông L được đảm bảo quyền thăm non con; không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này. **Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.**

[4]. Về mức cấp dưỡng: Bà Á không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông L tại phiên toà tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con là cháu Trần Mỹ Anh và Trần Kim Long với số tiền 3.500.000đ/1 tháng/2 cháu. Xét đây là sự tự nguyện của ông L nên ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/7/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung; Các đương sự không có yêu cầu, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Á đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0008256 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Biên Hoà. Bà Á đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Trần Phước L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68; Điều 264; Điều 266; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Ngọc Á. Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á được ly hôn với ông Trần Phước L.

- Về con chung: Giao các cháu Trần Mỹ Anh, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Trần Kim Long, sinh ngày 22/5/2013 cho bà Nguyễn Thụy Ngọc Á tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Trần Phước L cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đ/1 tháng/2 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/7/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Trần Phước L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 [Bộ luật Dân sự năm 2015](#).

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương đầu xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Á đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0008256 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B. Bà Á đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí. Riêng ông Trần Phước L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thụy Ngọc Á và ông Trần Phước L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đường sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân	SỞ THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
------------------------------	--

